

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2019/HS-ST**
Ngày 06/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Ba.

- Ông Nguyễn Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị E, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1972 tại xã P, huyện Q, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh N; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C (đã chết) và bà Phan Thị N (đã chết); bị cáo có chồng tên Đồng Phước T, sinh năm 1967 và có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. *Vắng mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Văn Tấn N, sinh năm 1964. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 40 phút, ngày 23/12/2018, bị cáo Nguyễn Thị E lấy xe đạp của mình chở lúa đến nhà bà Nguyễn Thị T cùng thôn để bán. Khi đến nhà bà T, bị cáo E mang bao lúa để ở khu vực máy xay xát rồi đi vào nhà gặp ông Văn Tấn N (chồng bà T) đang nằm trên ghế tại phòng khách, bị cáo E hỏi ông N bà T ở đâu, ông N nói bà T ở nhà dưới. Bị cáo E đi xuống khu vực nhà bếp để tìm gặp bà T nhưng không có bà T. Tại đây, bị cáo E nhìn thấy trên nắp máy giặt quần áo ở gần kệ bếp có một chiếc áo khoác hoa văn màu vàng, trong túi áo khoác có một số tiền thò ra ngoài. Thấy vậy, bị cáo E nảy sinh ý định trộm cắp, lập tức bị cáo E tiến lại chỗ áo khoác lén lút dùng tay phải rút một số tiền thò ra rồi dùng hai tay bỏ tiền vào túi quần bên trái đang mặc. Lấy được tiền, bị cáo E đi lên lại phòng khách rồi đi dọc hành lang ra phía sau nhà gặp bà T. Khi gặp bà T thì bị cáo nói *“Em bán 10 ký lúa, em mang qua để ngoài máy gạo, em về chở cám lên rồi tính tiền luôn”*, bà T trả lời *“Ừ”*. Sau đó, bị cáo E lấy xe ra về. Về đến nhà, bị cáo E vào phòng ngủ đếm được số tiền 4.000.000 đồng rồi mang giấu vào kho chứa lúa trong nhà. Trong chiều hôm đó, bà T kiểm tra thì phát hiện mình bị mất khoảng 4.000.000 đồng. Vợ chồng bà T và ông N đến nhà bị cáo E để nói chuyện nhưng bị cáo không thừa nhận. Trong lúc bà T nói chuyện với bị cáo E, ông N đi trình báo Công an. Đồng thời trong lúc này bị cáo E mang số tiền giấu trong kho lúa chuyển ra giấu ở cây rơm trong vườn nhà. Sau khi nhận được tin báo của ông N và đơn báo cáo của bà T, Công an huyện Quế Sơn đã làm việc với bị cáo E. Quá trình làm việc, bị cáo E đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình và giao nộp số tiền đã trộm cắp cho Công an huyện Quế Sơn.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Số tiền 4.000.000 đồng (*gồm: 20 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng*) và 01 xe đạp màu xanh.

Tại Bản cáo trạng số 16/CT-VKSQS ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị E về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị E mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị E cho Ủy ban nhân dân xã Quế Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả lại 01 xe đạp màu xanh cho bị cáo Nguyễn Thị E.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị E đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Người bị hại - Nguyễn Thị T có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị E. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Văn Tấn N không có ý kiến gì.

Bị cáo E nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo vì điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, chồng bị cáo ốm đau không lao động được nên bị cáo phải lo mọi việc trong gia đình .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại - bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Văn Tấn N; Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị T và ông Văn Tấn N có đơn xin xét xử vắng mặt và sự vắng mặt của bà T, ông N không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 292 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 12 giờ 40 phút ngày 23/12/2018, tại nhà bà Nguyễn Thị T, bị cáo Nguyễn Thị E đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút trộm cắp số tiền 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng của bà T sau đó đem về cất giấu tại kho chứa lúa nhà mình.

Với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị E phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015

sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng số 16/CT-VKSQS ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của mọi công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo E có đầy đủ năng lực để nhận thức được điều đó nhưng do lười lao động, cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút trộm cắp số tiền 4.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo E có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và tài sản trộm cắp đã được thu hồi giao trả lại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Bị cáo Nguyễn Thị E có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng mà để cho bị cáo có cơ hội cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của gia đình và địa phương.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T đã nhận lại số tiền 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 chiếc xe đạp màu xanh thu giữ của bị cáo, đây là phương tiện đi lại hằng ngày của bị cáo và tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin được nhận lại xe nên chấp nhận giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị E.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị E phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị E 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (06/5/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị E cho Ủy ban nhân dân xã Quế Phú, huyện Quế Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử: Trả lại 01 xe đạp màu xanh cho bị cáo Nguyễn Thị E.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 17/4/2019).

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/5/2019). Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng